

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Bản án số: 01/2025/HS-PT
Ngày: 14-01-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Bùi Văn Tuấn**.

Các Thẩm phán: ông **Nguyễn Hồng Ánh** và ông **Nguyễn Nhật Duật**.

- **Thư ký phiên tòa:** ông **Nguyễn Đức Bình** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** bà **Phạm Quỳnh Hoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ninh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 122/2024/TLPT-HS ngày 12 tháng 12 năm 2024 đối với các bị cáo Vũ Nhật T và Vũ Hữu B, do có kháng cáo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Hợp tác xã S) đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2024/HS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

- **Bị cáo bị kháng cáo:**

1. Họ và tên: Vũ Nhật T; tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh ngày: 07/02/1962, tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: khu D, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 10/10; nghề nghiệp: lao động tự do; chức vụ, đoàn thể trước khi phạm tội: Đảng viên Đ (đã bị đình chỉ sinh hoạt Đảng theo Quyết định số 111-QĐ/UBKTTU ngày 23/5/2024 của Ủy ban kiểm tra thị ủy Q); con ông Vũ Nhật H và bà Vũ Thị N; có vợ là Nguyễn Thị L và có 02 con.

- Tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Họ và tên: Vũ Hữu B. Tên gọi khác: không; giới tính: Nam; sinh ngày: 03/11/1980, tại thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; nơi thường trú: khu E, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; trình độ học vấn: lớp 9/10; nghề nghiệp: lao động tự do; con ông Vũ Hữu V và bà Vũ Thị H1; có vợ là Vũ Thị M và có 02 con.

- Tiền án, tiền sự: không có;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng Lệnh Cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. Có mặt tại phiên tòa.

* *Bị hại*: ông Vũ Hữu T1, sinh năm: 1972. Địa chỉ: khu G, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

* *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Hợp tác xã S. Địa chỉ: khu C, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh. Người đại diện theo pháp luật: ông Vũ Hữu T2 - Chức vụ: Giám đốc. Người đại diện theo uỷ quyền: ông Vũ Quang M1, sinh năm: 1967. Địa chỉ: khu H, phường Y, thị xã Q, Quảng Ninh, có mặt.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của HTX S: Luật sư Nguyễn Quang C - Công ty L1 - Đoàn luật sư thành phố H, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hợp tác xã S (gọi tắt là HTX S) có trụ sở tại khu C, phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (trước đây là xóm C, xã Y) là tổ chức kinh tế tự chủ do nông dân và người lao động trên địa bàn phường Y góp vốn sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản và giao khoán đầm thủy sản. Ban S giai đoạn từ năm 2014 đến 2016 có Vũ Nhật T là giám đốc và Vũ Hữu B là kế toán trưởng (sau khi luật HTX năm 2012 thì chức danh Chủ nhiệm HTX thay thế Giám đốc).

Ngày 05/6/2014, HTX S ký hợp đồng số 08/HĐ-HTX về việc giao khoán đầm ô đồng hồ số 1 liên hạn 2014-2044 do Vũ Nhật T – Giám đốc đại diện HTX ký hợp đồng với ông Vũ Hữu T1 là xã viên khu G, phường Y đấu thầu 01 ô đầm (đầm trưởng ô đầm hồ số 01), diện tích sử dụng là 21.960 m (61 sào) thời hạn hợp đồng là 30 năm từ ngày 02/12/2014 đến 31/12/2044 với số tiền 15.000.000 đồng/năm, tổng số tiền trong 30 năm là 450.000.000 đồng, việc nộp tiền được chia thành 05 kỳ, trong đó kỳ đầu tiên nộp 100.000.000 đồng ngay sau khi ký hợp đồng. Ngày 28/6/2014, ông Vũ Hữu T1 đến trụ sở HTX S nộp số tiền 100.000.000 đồng cho kỳ khoán đầu, Vũ Hữu B là người trực tiếp nhận tiền và lập phiếu thu thu tiền của ông T1, nội dung phiếu thu: phiếu thu số 17 ngày 28/6/2014, người nộp tiền là ông Vũ Hữu T1, người nhận tiền và ký phần kế toán là Vũ Hữu B, vị trí chủ tài khoản ký đóng dấu là Vũ Nhật T, tại phiếu thu này ông T1, T, B cùng ký đúng vị trí của mình. Sau khi nhận tiền của ông T1, T bàn với B nộp 50.000.000 đồng vào quỹ HTX còn 50.000.000 đồng để ngoài sổ sách mục đích chiếm đoạt để chia nhau, B đồng ý và viết 01 phiếu thu khác cùng số 17 ngày 28/6/2014 ghi số tiền ông T1 nộp là 50.000.000 đồng, B đã giả chữ ký của ông T1 ở phần người nộp tiền và ký vào phần kế toán của B, Chủ nhiệm HTX ký là Vũ Nhật T, ngày hôm sau (29/6/2014) Bằng chuyển số tiền 50.000.000 đồng cho thủ quỹ HTX S là chị Vũ Thị N1, đồng thời Bằng đưa cho chị N1 phiếu thu ghi số tiền nộp 50.000.000 đồng để chị N1 ký vị trí thủ quỹ trên phiếu thu. Số tiền 50.000.000 đồng, do ông T1 nộp không được nhập quỹ HTX, B và T chia nhau (T 30 triệu đồng, Bằng 20 triệu đồng). Đến đầu năm 2020, HTX S thuê công ty T5 kiểm toán toàn bộ thu chi của HTX, đã chỉ ra việc thâm hụt số tiền 50.000.000 đồng thu của

ông T1. Đến ngày 17/5/2023, Ban kiểm soát và một số xã viên HTX S đã làm đơn tố cáo gửi Cơ quan điều tra.

Tại các bản kết luận giám định số 1093/KL - KTHS ngày 31/7/2023, số 1059/KL - KTHS ngày 17/10/2023 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: Các chữ ký dạng chữ viết Vũ Hữu T1 và viết tên Vũ Hữu T1 trong 02 chứng từ số 17 cùng ngày 28/6/2014 là do hai người khác nhau viết (trong đó 01 chứng từ B là người ký tên Vũ Hữu T1).

Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo Vũ Hữu B khai nhận: Bị cáo được HTX S nhận thuê vào làm công việc kế toán thay kế toán cũ là anh Bùi Văn T3 từ tháng 7/2005 đến tháng 10/2016, bị cáo làm việc được trả lương theo tháng. Ngày 05/6/2014, ông Vũ Hữu T1 là xã viên khu 7 và HTX S ký hợp đồng thuê đầm hồ đồng ô số 1, ngày 28/6/2014, ông Vũ Hữu T1 đến HTX nộp số tiền 100.000.000đồng là nộp cho kỳ khoán đầu. Bị cáo là người nhận tiền và lập phiếu thu, phiếu thu số 17 ngày 28/6/2014, trên phiếu thu này bị cáo ghi tên người nộp tiền là Vũ Hữu T1, số tiền thu 100.000.000đồng, vị trí ký của kế toán và thủ quỹ trên phiếu thu là do bị cáo ghi tên mình là Vũ Hữu B, vị trí ký của Chủ nhiệm HTX do bị cáo Vũ Nhật T ký và đóng dấu chủ tài khoản, ông Vũ Hữu T1 ký vào vị trí người nộp tiền và ông T1 được nhận 01 phiếu thu này. Sau khi nhận được tiền từ ông T1, bị cáo T bàn với bị cáo chiếm đoạt 50.000.000đồng trong số tiền 100.000.000đồng ông T1 nộp cho HTX, bị cáo đồng ý, bị cáo đã lập một phiếu thu khác, nội dung ghi số tiền ông T1 nộp 50.000.000đồng, bị cáo ký vào vị trí kế toán và ký chữ “T1” vào vị trí người nộp tiền, bị cáo T ký và đóng dấu vị trí Chủ nhiệm HTX, ngày hôm sau là ngày 29/6/2014 bị cáo đưa nộp cho thủ quỹ của HTX là chị Vũ Thị N1 số tiền 50.000.000đồng và phiếu thu ghi số tiền 50.000.000đồng để chị N1 nhập quỹ HTX. Số tiền còn lại bị cáo đưa cho bị cáo T 30.000.000đồng, bị cáo giữ lại 20.000.000đồng chi tiêu cá nhân. Năm 2020 HTX S thuê Công ty K1 – Chi nhánh H2 kiểm toán thu chi của HTX S năm 2014-2016 đã phát hiện ra một số vi phạm trong việc thu chi, bị cáo đã tự nguyện nộp vào quỹ HTX tổng số tiền 260.139.000đồng, quá trình điều tra bị cáo có trình bày trong số tiền bị cáo đã nộp có 50.000.000đồng nộp ngày 12/10/2020 là để khắc phục cho khoản tiền thâm hụt của ông T1, nhưng người đại diện HTX S không chấp nhận nội dung này, vì vậy ngày 22/10/2024 bị cáo và bị cáo T tiếp tục nộp vào quỹ HTX S số tiền 50.000.000đồng (trong đó bị cáo nộp 20.000.000đồng, bị cáo T nộp 30.000.000đồng) để khắc phục hậu quả.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Vũ Nhật T khai nhận: giai đoạn từ năm 2014 -2016 bị cáo là Giám đốc (trước đó là Chủ nhiệm) HTX S là chủ tài khoản, Vũ Hữu B là kế toán, chị Vũ Thị N1 là thủ quỹ, theo quy định các khoản thu thì người nộp tiền đến trụ sở HTX nộp tiền trực tiếp, người nhận tiền là chị N1, bị cáo ký và đóng dấu chủ tài khoản trên phiếu thu. Ông Vũ Hữu T1 là xã viên HTX, ngày 05/6/2014 ông T1 và HTX S ký hợp đồng thuê khoán đầm, bị cáo là Giám đốc ký đại diện HTX, nội dung hợp đồng đúng như cáo trạng mô tả. Ngày 28/6/2014 ông T1 đến trụ sở HTX S nộp số tiền 100.000.000đồng là tiền thuê khoán đầm kỳ đầu, theo hợp đồng kỳ đầu phải nộp 100.000.000đồng, nhưng do chị N1 đi vắng nên Vũ Hữu B nhận tiền, ngày 28/6/2014 bị cáo đã ký các phiếu thu

ghi số tiền ông T1 nộp khác nhau như Vũ Hữu B khai tại phiên tòa. Năm 2016 bàn giao HTX cho ban quản trị mới, qua kiểm toán phát hiện sự thiếu tiền nộp khoán của ông T1 50.000.000đồng, bị cáo đã tự giác đưa cho Vũ Hữu B 30.000.000đồng để khắc phục hậu quả, nhưng tại phiên tòa đại diện HTX S không chấp nhận nội dung này, nên ngày 22/10/2024 bị cáo đã nộp 30.000.000đồng cùng với bị cáo B nộp 20.000.000đồng để khắc phục hậu quả đối với ông T1.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2024/HS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh đã quyết định: tuyên bố các bị cáo Vũ Nhật T và Vũ Hữu B phạm tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 175 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175); điểm b, v, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Vũ Nhật T 30 (Ba mươi) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Áp dụng khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 175 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175); điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015, xử phạt bị cáo Vũ Hữu B 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí hình sự sơ thẩm; bảo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/11/2024, Hợp tác xã S làm đơn kháng cáo với nội dung đề nghị hủy bản án hình sự sơ thẩm số 108/2024/HS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên; trả hồ sơ cho cơ quan tố tụng thị xã Q để điều tra bổ sung các hành vi phạm tội khác của các bị cáo Vũ Nhật T, Vũ Hữu B và các đối tượng khác tránh bỏ lọt tội phạm.

Tại phiên tòa phúc thẩm đại diện Hợp tác xã S giữ nguyên nội dung kháng cáo và cho rằng; cơ quan điều tra đã bỏ lọt nhiều hành vi phạm tội của các bị cáo và bổ sung nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xác định Hợp tác xã là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là không đúng, Hợp tác xã S phải là bị hại.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh phát biểu quan điểm: các bị cáo Vũ Nhật T, Vũ Hữu B bị Tòa cấp sơ thẩm xét xử về tội: “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” là đúng người, đúng tội, mức hình phạt của Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên đối với các bị cáo là phù hợp. Nội dung kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan yêu cầu hủy án sơ thẩm là không có căn cứ; đối với các nội dung của Hợp tác xã S đối với bị cáo T, B và Ban S (Giai đoạn 2014 - 2016), các nội dung tố cáo này đã được Cơ quan cảnh sát điều tra kết luận tại thông báo số 237/TB-CQCSĐT (ĐTTH) ngày 28.1.2022, sau khi nhận được thông báo Hợp tác xã S không có đề nghị gì. Do đó đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của Hợp tác xã S, giữ nguyên bản án

hình sự sơ thẩm số 108/2024/HS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Hợp tác xã S phát biểu quan điểm: Các bị cáo có nhiều hành vi phạm tội như trong đơn đề nghị của Hợp tác xã S nhưng chưa được điều tra làm rõ, có dấu hiệu bỏ lọt tội phạm. Tòa cấp sơ thẩm cho các bị cáo được hưởng án treo là chưa có căn cứ. Đề nghị đưa Hợp tác xã S tham gia tố tụng với tư cách là bị hại.

Viện kiểm sát đưa ra căn cứ đối đáp về các nội dung; không chấp nhận kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc Hủy bản án sơ thẩm. Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét đầy đủ toàn diện về mức độ, hành vi, các tình tiết giảm nhẹ và cho các bị cáo được hưởng án treo là có căn cứ. Về nội dung tư cách tham gia tố tụng của Hợp tác xã S đề nghị xác định là bị hại trong vụ án, Viện kiểm sát đồng tình quan điểm của luật sư bảo vệ cho người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về xác định tư cách tham gia tố tụng tố tụng.

Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến tranh luận bổ sung.

Các bị cáo không tranh luận, không trình bày ý kiến gì thêm

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: đơn kháng cáo của Hợp tác xã S làm trong hạn luật định nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Hợp tác xã S và quan điểm bổ sung tại phiên tòa đề nghị xác định tư cách tham gia tố tụng của Hợp tác xã S là bị hại trong vụ án. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên đã căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được cơ quan điều tra thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án như: lời khai của các bị cáo; lời khai của của bị hại là ông Vũ Hữu T1; lời khai của người đại diện HTX S; lời khai của người làm chứng là chị Vũ Thị N1, chị Vũ Thị T4 và các tài liệu tài khác có trong hồ sơ vụ án để quyết định tội danh, hình phạt và một số nội dung khác đối với các bị cáo Vũ Nhật T và Vũ Hữu B về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” là có căn cứ. Vì, ngày 28/6/2014, tại phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, Vũ Nhật T và Vũ Hữu B có hành vi nhận số tiền 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) từ hợp đồng thầu khoán đầm của ông Vũ Hữu T1 với HTX S, sau đó T và B dùng thủ đoạn gian dối, lập một phiếu thu khác chỉ nhập quỹ HTX S số tiền 50.000.000đồng, số tiền còn lại, T, B chia nhau. Do vậy, hành vi phạm tội của các bị cáo Vũ Nhật T và Vũ Hữu B đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử và xử phạt về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*” là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với những nội dung tố cáo của Hợp tác xã S đối với các bị cáo Vũ Nhật T, Vũ Hữu B và Ban S (giai đoạn 2014-2016), các nội dung tố cáo này đã

được Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Q kết luận tại Thông báo số 237/TB-CQCSĐT(ĐTTH) ngày 28/01/2022, sau khi nhận được thông báo trả lời Hợp tác xã S không có đề nghị, kiến nghị gì. Đối với nội dung đề nghị xác định lại tư cách tham gia tổ tụng của hợp tác xã S là bị hại và quan điểm của Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử thấy: các bị cáo Vũ Nhật T và Vũ Hữu B có hành vi nhận số tiền 100.000.000đ từ hợp đồng thầu khoán đầm của ông Vũ Hữu T1 với HTX S, sau đó T và B dùng thủ đoạn gian dối, lập một phiếu thu khác chỉ nhập quỹ HTX S số tiền 50.000.000đồng, số tiền còn lại T, B chia nhau. Mặt khác số tiền các bị cáo chiếm đoạt của ông Vũ Hữu T1 chưa được chuyển vào quỹ của Hợp tác xã S, vì vậy xác định ông Vũ Hữu T1 là bị hại là có căn cứ. Do đó, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của Hợp tác xã S, quan điểm của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Hợp tác xã S về đề nghị Hủy bản án sơ thẩm; chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2024/HS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Không chấp nhận đề nghị về nội dung: xác định tư cách tham gia tố tụng đưa hợp tác xã S là người bị hại như quan điểm của luật sư bào chữa cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và quan điểm của Viện kiểm sát.

[3] Về án phí: các bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[4] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự: không chấp nhận kháng cáo của Hợp tác xã S, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 108/2024/HS-ST ngày 23 tháng 10 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 174 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175); điểm b, v, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Vũ Nhật T 30 (Ba mươi) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Căn cứ khoản 3 Điều 7; điểm c khoản 2 Điều 174 (thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều 175); điểm b, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự 2015. Xử phạt bị cáo Vũ Hữu B 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 (Bốn mươi tám) tháng về tội “*Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản*”.

Giao các bị cáo Vũ Nhật T, Vũ Hữu B cho Ủy ban nhân dân phường Y, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh giám sát giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia

định các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, các bị cáo phải thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của luật thi hành án hình sự, nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc các bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: các bị cáo Vũ Nhật T, Vũ Hữu B; Hợp tác xã S không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo; bị hại;
- Người có qlnvlg; Luật sư;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- CQTHAHS, CQCSĐT Công an thị xã Quảng Yên;
- VKS, TAND, Chi cục THA DS thị xã Quảng Yên;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu hồ sơ; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Tuấn